

Số: 481/QĐ-ĐHSPKTND

Nam Định, ngày 10 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành qui định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDDT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-LDTBXH ngày 09/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-ĐHSPKTND ngày 27/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về Kế hoạch công tác năm 2020;

Theo đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trường các đơn vị, giảng viên, nhân viên và người học trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /- 1/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, TTr-ĐBCL (3 bản).

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Quyết Thắng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về việc đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 10 tháng 1 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các khái niệm

1. Đối sánh (Benchmarking): Là một quá trình nhằm giúp nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục bằng cách tìm hiểu, so sánh, đối chiếu, phân tích các nội dung đã chọn với một cơ sở giáo dục (CSGD) đại học khác trong hoặc ngoài nước có sự vượt trội về các nội dung đối sánh, đồng thời mang những đặc tính tương đồng.

2. So chuẩn (Comparative): là quá trình so sánh tiêu chuẩn chất lượng được CSGD sử dụng đối với một lĩnh vực với tiêu chuẩn chất lượng cùng lĩnh vực của CSGD khác (nhằm đảm bảo khi đối sánh các nội dung phải cùng một tiêu chuẩn chất lượng).

3. Đối sánh nội bộ: Là hình thức đối sánh số liệu giữa các đơn vị trực thuộc Nhà trường theo định kỳ mỗi năm tài chính.

4. Đối sánh ngoài: Là hình thức đối sánh số liệu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định với CSGD đại học khác theo định kỳ.

5. Chất lượng của CSGD là sự đáp ứng mục tiêu do CSGD đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc so chuẩn và đối sánh cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo theo yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Văn bản này áp dụng cho cán bộ, giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng và các đơn vị có liên quan Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Việc so chuẩn, đối sánh được thực hiện nhằm đánh giá được thực trạng chất lượng các hoạt động của cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo của Nhà trường, làm căn cứ để đưa ra các giải pháp để thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Kết quả so chuẩn, đối sánh phải thể hiện được chính xác, đầy đủ các thông tin theo yêu cầu, các giải pháp cải tiến chất lượng phải có tính khả thi.

Chương 2

NỘI DUNG, ĐỐI TÁC VÀ QUI TRÌNH ĐỐI SÁNH

Điều 4. Nội dung đối sánh

1. Căn cứ lựa chọn nội dung đối sánh

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2. Nội dung đối sánh

Nội dung đối sánh là các số liệu thuộc các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối, phục vụ cộng đồng cùng các kết quả của các hoạt động, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1. Hoạt động đào tạo			
1.1	Chương trình dạy học	x	x

TT	Nội dung	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1.2	Tỉ lệ tốt nghiệp	x	x
1.3	Tỉ lệ thôi học	x	x
1.4	Tỉ lệ học lại, thi lại các học phần	x	
1.5	Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học	x	x
1.6	Tỷ lệ người học có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp.	x	x
1.7	Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp	x	
2. Hoạt động nghiên cứu khoa học			
2.1	Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của giảng viên	x	x
2.2	Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học	x	x
2.3	Loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.	x	
2.4	Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ	x	
2.5	Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu	x	
2.6	Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)	x	
3. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng			
3.1	Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội	x	
3.2	Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội	x	
3.3	Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng	x	

TT	Nội dung	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
	viên, nhân viên		
3.4	Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội	x	
4. Kết quả tài chính và thị trường			
4.1	Kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng	x	
4.2	Kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng	x	

Điều 5. Đối tác thực hiện đối sánh

1. Đối tác trong nước: Là CSGD đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau:

- Thuộc loại hình trường đại học công lập;
- Có sự tương đồng về địa lý, qui mô giảng viên, qui mô người học, trình độ và ngành đào tạo;
- Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

2. Đối tác ngoài nước: Là cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài, trong đó ưu tiên chọn các trường có các đặc điểm sau:

- Là trường đại học thuộc khu vực ASEAN, ưu tiên các trường tham gia mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á - AUN;
- Có sự tương đồng về địa lý, qui mô giảng viên, qui mô người học, trình độ và ngành đào tạo;
- Tích cực chia sẻ các mục tiêu về hợp tác và đối tác trong mở rộng hợp tác về đào tạo và nghiên cứu quốc tế, sẵn sàng trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong đào tạo và quản trị đại học.

Điều 6. Qui trình thực hiện đối sánh

1. Đối sánh nội bộ

Bước 1: Chuẩn bị dữ liệu

Các đơn vị căn cứ vào tiêu chí đã được Nhà trường xác định, chuẩn bị dữ liệu để thực hiện so chuẩn, đối sánh.

Lưu ý: Dữ liệu phải chính xác, có ghi nguồn truy xuất.

Bước 2: Đánh giá theo tiêu chí đối sánh

Đơn vị, cá nhân được giao tiến hành thu thập, phân tích, đánh giá, thống kê. Trưởng đơn vị ký xác nhận vào tất cả các biểu mẫu do đơn vị phụ trách. Toàn bộ biểu mẫu kèm file số liệu chuyển về phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng để tổng hợp.

Bước 3: Sử dụng kết quả đối sánh

Trưởng các đơn vị báo cáo kết quả đối sánh; sử dụng kết quả đối sánh để phân tích hiện trạng; định vị đơn vị; làm căn cứ xác định mục tiêu phát triển, chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học hàng năm, ưu tiên đầu tư, xác định mục tiêu trung hạn hoặc điều chỉnh chiến lược phát triển,...

2. Đối sánh ngoài

Bước 1: Chuẩn bị dữ liệu

Các đơn vị căn cứ vào tiêu chí, danh sách các đối tác đã được Nhà trường phê duyệt, chuẩn bị dữ liệu để thực hiện so chuẩn, đối sánh.

Lưu ý: Dữ liệu phải chính xác, có ghi nguồn truy xuất.

Bước 2: Đánh giá theo tiêu chí đối sánh

Đơn vị, cá nhân được giao tiến hành thu thập, phân tích, đánh giá, thống kê. Trưởng đơn vị ký xác nhận vào tất cả các biểu mẫu do đơn vị phụ trách. Toàn bộ biểu mẫu kèm file số liệu chuyển về phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng để tổng hợp.

Bước 3: Sử dụng kết quả đối sánh

Trưởng các đơn vị báo cáo kết quả đối sánh; sử dụng kết quả đối sánh để phân tích hiện trạng; định vị đơn vị; làm căn cứ xác định mục tiêu phát triển, chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học hàng năm, ưu tiên đầu tư, xác định mục tiêu trung hạn hoặc điều chỉnh chiến lược phát triển,...

Điều 7. Rà soát, cải tiến

Hàng năm sau khi hoàn thành thực hiện đối sánh, căn cứ vào kết quả đối sánh và việc sử dụng kết quả, toàn bộ nội dung, đối tác, qui trình thực hiện được rà soát, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến khi cần thiết.

Quy trình rà soát, cải tiến như sau:

Bước 1: Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng làm đầu mối, ra thông báo về việc rà soát, chỉnh sửa toàn bộ nội dung, đối tác, qui trình thực hiện so chuẩn, đối sánh.

Bước 2: Các đơn vị thực hiện rà soát, đề xuất chỉnh sửa toàn bộ nội dung, đối tác, qui trình thực hiện so chuẩn, đối sánh (nếu có).

Bước 3: Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng là đầu mối tổng hợp các nội dung được đề xuất cải tiến, trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

Bước 4: Triển khai thực hiện các nội dung cải tiến.

Chương 3 **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Bảo mật số liệu

- Tất cả các số liệu, tài liệu đối sánh đều phải được bảo mật và được sử dụng theo kế hoạch đã phê duyệt.

- Tài liệu gốc của từng đợt đối sánh được niêm phong và lưu giữ nơi an toàn; file số liệu đều phải được cài đặt mật khẩu khi mở và được lưu trữ, sao lưu song trùng tại một ổ cứng máy tính và một ổ cứng đám mây.

- Các đơn vị, cá nhân không được tự ý cung cấp số liệu đối sánh cho bất kỳ tổ chức cá nhân nào khi chưa có sự phê duyệt của Ban Giám hiệu.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị

Các đơn vị có trách nhiệm triển khai qui định này đến toàn thể cán bộ, giảng viên được biết; có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu của đơn vị chủ trì để thực hiện việc so chuẩn, đối sánh.

1. Trách nhiệm của phòng Thanh tra - ĐBCL

- Xây dựng kế hoạch so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đảm bảo các nội dung theo đúng yêu cầu;

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế

hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu;

- Thu thập dữ liệu so chuẩn, đối sánh từ các đơn vị, làm cơ sở xây dựng báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

- Có trách nhiệm lưu giữ, bảo mật số liệu, nội dung đối sánh theo qui định.

2. Trách nhiệm của phòng Đào tạo

Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực đào tạo; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

3. Trách nhiệm của phòng Tổ chức - Hành chính

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực Tổ chức - hành chính; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

4. Trách nhiệm của phòng Khoa học - Hợp tác quốc tế

- Phối hợp với các khoa chuyên môn triển khai việc so chuẩn đối sánh chất lượng các chương trình đào tạo, đảm bảo các nội dung theo đúng yêu cầu;

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

5. Trách nhiệm của phòng Kế toán Tài chính

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực tài chính; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc

phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

6. Trách nhiệm của phòng Quản trị thiết bị

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực cơ sở vật chất, thiết bị; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

7. Trách nhiệm của phòng Công tác Sinh viên

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

8. Trách nhiệm Trung tâm Thực hành, Trung tâm Đào tạo & bồi dưỡng

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

9. Trách nhiệm Ban tuyển sinh

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực tuyển sinh; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

10. Trách nhiệm của các Đoàn, Hội

- Thực hiện việc triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về lĩnh vực hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

11. Trách nhiệm của các khoa/ bộ môn có chương trình đào tạo

- Thu thập thông tin đối sánh từ các đối tác được lựa chọn;

- Triển khai thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng các chương trình đào tạo do Khoa quản lý; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra;

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh khi các đơn vị liên quan yêu cầu.

12. Phân công chuẩn bị số liệu cho các nội dung đối sánh

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách
1. Hoạt động đào tạo		
1.1	Chương trình dạy học	Các khoa Phòng Đào tạo Phòng KH&HTQT
1.2	Tỉ lệ tốt nghiệp	Phòng Đào tạo
1.3	Tỉ lệ thôi học	Phòng Đào tạo
1.4	Tỉ lệ học lại, thi lại các học phần	Phòng Đào tạo
1.5	Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học	Phòng Đào tạo
1.6	Tỷ lệ người học có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp.	Phòng TTr - ĐBCL
1.7	Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp	Phòng TTr - ĐBCL
2. Hoạt động nghiên cứu khoa học		

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách
2.1	Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của giảng viên	Các khoa Phòng KH&HTQT
2.2	Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học	Các khoa Phòng KH&HTQT
2.3	Loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.	Các khoa Phòng KH&HTQT
2.4	Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ	Các khoa Phòng KH&HTQT
2.5	Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu	Phòng KT-TC Phòng KH&HTQT
2.6	Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)	Các khoa; Phòng KH&HTQT; Trung tâm TH.
3. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng		
3.1	Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội	Các khoa Phòng Đào tạo Phòng CTSV TT Thực hành; Trung tâm ĐT&BD Công đoàn Trường Đoàn TN
3.2	Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội	Các khoa Phòng Đào tạo Phòng CTSV TT Thực hành Trung tâm ĐT&BD Công đoàn Trường Đoàn TN

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách
3.3	Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên	Các khoa Phòng Đào tạo Phòng CTSV TT Thực hành Trung tâm ĐT&BD Công đoàn Trường Đoàn TN
3.4	Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội	Phòng TTr - ĐBCL
4. Kết quả tài chính và thị trường		
4.1	Kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng	Phòng KT-TC
4.2	Kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng	Phòng KT-TC

Trong quá trình thực hiện văn bản có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.



Phụ lục 1: Mẫu báo cáo kết quả đối sánh các chỉ tiêu của đơn vị

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

Nam Định, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO

Kết quả so chuẩn, đối sánh tiêu chí hoạt động của đơn vị

1. Tóm tắt quá trình thực hiện

2. Kết quả so chuẩn, đối sánh

2.1. Kết quả

TT	Tiêu chí/ tiêu chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Đối sánh

2.2. Giải thích kết quả

3. Giải pháp cải tiến

- Căn cứ vào kết quả so chuẩn, đối sánh đề xuất bổ sung/nâng cao chỉ số lượng hóa của các tiêu chí này cho năm tiếp theo. Đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động cho các tiêu chí còn thấp so với các trường đối sánh.

- Những giải pháp trong mục này góp phần làm căn cứ xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học của đơn vị và Nhà trường hàng năm.

4. Kiến nghị (nếu có)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phụ lục 2: Danh sách các cơ sở giáo dục tham khảo, so chuẩn, đối sánh chất lượng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Định, ngày tháng ... năm 2020

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THAM KHẢO,
SO CHUẨN, ĐỐI SÁNH CHẤT LƯỢNG**

TT	Tên CSGD	Nội dung tham khảo, so chuẩn, đối sánh	Ghi chú
1	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Chương trình đào tạo Ngành Khoa học máy tính	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ thông tin	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật điện	
		Chương trình đào tạo Ngành Hệ thống điện	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	
2	Đại học Bách Khoa - thuộc Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh	Chương trình đào tạo Ngành Khoa học máy tính	
3	Đại học Công nghệ	Chương trình đào tạo Ngành Khoa học máy tính	
4	Đại học SPKT Vinh	Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ thông tin	
		Chương trình đào tạo Ngành Kế toán	

TT	Tên CSGD	Nội dung tham khảo, so chuẩn, đối sánh	Ghi chú
		Chương trình đào tạo Ngành Quản trị kinh doanh	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật điện	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ chế tạo máy	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	
		Tỉ lệ tốt nghiệp	
		Tỉ lệ thôi học	
		Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học	
		Tỷ lệ người học có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp.	
		Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của giảng viên	
		Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học	

TT	Tên CSGD	Nội dung tham khảo, so chuẩn, đối sánh	Ghi chú
5	Đại học SPKT TP. Hồ Chí Minh	Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ thông tin	
		Chương trình đào tạo Ngành Kế toán	
		Chương trình đào tạo Ngành Quản trị kinh doanh	
		Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
6	Trường Đại học SPKT Hưng Yên	Chương trình đào tạo Ngành Kế toán	
		Chương trình đào tạo Ngành Quản trị kinh doanh	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật điện	
		Chương trình đào tạo Ngành Hệ thống điện	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ chế tạo máy	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	
		Tỉ lệ tốt nghiệp	
		Tỉ lệ thôi học	

TT	Tên CSGD	Nội dung tham khảo, so chuẩn, đối sánh	Ghi chú
		Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học	
		Tỷ lệ người học có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp.	
		Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của giảng viên	
		Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học	
7	Đại học SPKT Vĩnh Long	Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ chế tạo máy	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	
		Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	
		Tỉ lệ tốt nghiệp	
		Tỉ lệ thôi học	
		Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học	
		Tỷ lệ người học có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp.	
		Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của giảng viên	
		Loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học	

TT	Tên CSGD	Nội dung tham khảo, so chuẩn, đối sánh	Ghi chú
8	Đại học Điện lực	Chương trình đào tạo Ngành Hệ thống điện	